



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Nhật Đọc viết 1
- Mã học phần: JAP306
- Số tín chỉ: 2 TC (2/0/4)
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần học trước: Nhập môn ngành ngôn ngữ Nhật (JAP303)
- Đơn vị phụ trách: Khoa Đông phương học
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lý thuyết: 30 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Đỗ Thị Thu Hiền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: 8:00 -16:00
- Địa điểm làm việc: Khoa Đông phương học - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0905735895
- Email: hiendtt2@vhu.edu.vn

Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Công Nguyên
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: 8:00 -16:00
- Địa điểm làm việc: Khoa Đông phương học - Trường Đại học Văn Hiến

- Điện thoại: 0919806086
- Email: nguyennc@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 12 bài, cung cấp cho người học kiến thức vỡ lòng tiếng Nhật, nhằm giúp người học có những hiểu biết cơ bản về chữ viết, số đếm, chào hỏi cơ bản trong ngôn ngữ Nhật.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về chữ viết tiếng Nhật.
- Giúp sinh viên thấy được sự tương đồng và khác biệt ở ngôn ngữ Nhật Việt.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
Kiến thức	
CLO1	Hiểu biết các kiến thức tổng quát về câu động từ, câu danh từ và câu tính từ.
CLO2	Trình bày được nghĩa và cách sử dụng của các mẫu ngữ pháp giới thiệu tên, tuổi, quốc tịch, hỏi giờ, mua sắm, thăm viếng, tặng quà, tả nơi chốn...
CLO3	Phân tích được các thành phần trong câu động từ, câu danh từ và câu tính từ.
CLO4	Biết phân biệt các trợ từ trong câu văn.
CLO5	Kể tên các sự vật, sự việc trong sinh hoạt hằng ngày.
Kỹ năng	
CLO6	Đọc được những câu văn giới thiệu tên, tuổi, quốc tịch, hỏi giờ, mua sắm, thăm viếng, tặng quà, hỏi nơi chốn sự vật, con người...
CLO7	Viết được những câu văn văn giới thiệu tên, tuổi, quốc tịch, hỏi giờ, mua sắm, thăm viếng, tặng quà, hỏi nơi chốn sự vật, con người...
CLO8	Nói được được những câu văn văn giới thiệu tên, tuổi, quốc tịch, hỏi giờ, mua sắm, thăm viếng, tặng quà, hỏi nơi chốn sự vật, con người...
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
CLO9	Tích cực tham gia vào các hoạt động trong giờ học
CLO10	Hứng thú với nội dung học phần, tự bản thân nghiên cứu, tự học tại nhà với nền tảng kiến thức đã được cung cấp.
CL011	Lên kế hoạch tổ chức, phân công nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
CLO1		X	X										
CLO2		X	X				X		X		X		
CLO3		X	X				X		X		X		
CLO4		X	X				X		X		X		
CLO5		X	X	X	X	X		X	X		X		
CLO6			X				X				X		
CLO7			X				X				X		
CLO8			X				X				X		
CLO9							X		X	X	X	X	
CLO10							X		X	X	X	X	
CLO11							X		X	X	X	X	X

Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Bài	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Bài 1	お国はどちらですか	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 2	ジュースをお願いします	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 3	神戸までいくらですか	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 4	いつ行きますか	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 5	何時の飛行機で	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 6	お花見	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 7	もらいました・あげました	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 8	町の生活・田舎の生活	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 9	日本が好きです	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 10	美術館	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 11	お祭り	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài 12	沖縄旅行	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	Bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
	- Người học được luyện đọc các đoạn văn đơn giản, theo từng chủ đề . - Người học trả lời câu hỏi tại lớp.	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO10 CLO1, CLO3, CLO4, CLO6, CLO10
6.2.2.	Bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO4,

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
		CLO5, CLO9, CLO11
	- Người học được chia nhóm để luyện các bài đọc tiếng Nhật.	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO9, CLO11

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Bài	Tên bài	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	お国はどちらですか	1	1		4	6	
2	ジュースをお願いします	1	1		4	6	
3	神戸までいくらですか	1	1		4	6	
4	いつ行きますか	1	1		4	6	
5	何時の飛行機で	1	1		4	6	
6	お花見	1	1		4	6	
7	もらいました・あげました	2	1		6	9	
8	町の生活・田舎の生活	2	1		6	9	
9	日本が好きです	2	1		6	9	
10	美術館	2	1		6	9	
11	お祭り	2	1		6	9	
12	沖縄旅行	2	1		6	9	
Tổng		18	12		60	90	

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1.
2.
3.

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)
- Giao bài đọc về nhà
- Hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11
Thuyết trình		X			X				X	X	X
Vấn đáp		X			X				X	X	X
Đọc và giải thích nội dung tài liệu		X			X				X	X	X
Tư duy cá nhân		X	X		X	X			X	X	

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11
Tự học		X	X							X	
Thảo luận									X	X	

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11
Thuyết trình		X			X				X	X	X
Làm việc nhóm									X	X	
Tự học		X	X							X	

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*

- Điểm chuyên cần: 10, trọng số 10%
- Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30, trọng số 30%

2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: Tiểu luận

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11
Bài tập nhỏ		X	X	X	X	X				X	
Thuyết trình		X			X				X	X	X
Trắc nghiệm		X	X	X	X	X					

13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2017 trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

13.1. Tài liệu chính

みんなの日本語初級 I - 本冊 (NXB 3A Corporation, 2008) (Minna no Nihongo Sokyuu I)

みんなの日本語初級 I トピック 25- 本冊 (NXB 3A Corporation, 2008) (Minna no Nihongo Sokyuu I Topikku 25)

みんなの日本語初級 I 漢字- 本冊 (NXB 3A Corporation, 2008) (Minna no Nihongo Sokyuu I Kanji)

13.2. Tài liệu tham khảo

1. みんなの日本語初級 I - ベトナム語彙訳(NXB 3A Corporation, 2008)

(Minna no Nihongo Sokyuu I betonamugo goiyaku)

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng khoa/Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

Đỗ Thị Thu Hiền